

Bản án số: 77/2024/HNGĐ- ST

Ngày 23/8/2024

“V/v: Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thụ

2. Ông Nguyễn Hữu Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2024 về việc Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị M, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn P, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Dương Thị L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt).

+ Anh Dương Văn L1, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

+ Bà Dương Thị C, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

+ Bà Dương Thị C1, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- + Bà Dương Thị D, sinh năm 1962; Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
- + Ông Dương Văn D1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
- + Ông Dương Văn V, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
- + Bà Dương Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
- + Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L (vắng mặt).
- + Bà Dương Thị M1, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
- + Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang do ông Đặng Văn N, chức vụ: Chủ tịch đại diện theo pháp luật; địa chỉ: thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
- + Ủy ban nhân dân xã B, huyện L do ông Lương Xuân H, chức vụ: Chủ tịch đại diện theo pháp luật (vắng mặt).
- + Quỹ tín dụng nhân dân B do ông Tô Xuân H1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 17/12/1997, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay. Anh chị có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có hai con chung.

Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019 đến nay, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ những chuyện nhỏ trong gia đình đến chuyện kinh tế gia đình. Do không tìm được tiếng nói chung nên anh P đã đuổi chị đi, không cho chị ở cùng nhà. Chị đã đi thuê nhà ở trọ và làm công nhân. Suốt thời gian chị đi ở trọ thì anh P không gọi chị về đoàn tụ, anh chị không ngồi được với nhau để dàn xếp chuyện vợ chồng.

Đến cuối năm 2023, anh P bị tai nạn giao thông phải nằm viện, các con chị có gọi chị về để chăm sóc anh P, chị đã quay về để chăm sóc anh P khoảng 1 tháng anh P nằm viện. Thời gian đó chúng chị có thỏa thuận với nhau là vợ chồng quay về đoàn tụ, chung sống với nhau. Sau khi anh P ra viện thì chị và anh P đã quay về nhà chung sống với nhau. Tuy nhiên, đến ngày mừng 5 tết Nguyên đán 2024, anh P uống rượu say và chửi bới, đuổi cả mấy mẹ con chị đi, không cho ở cùng nữa.

Gia đình hai bên có dàn xếp cho anh chị về đoàn tụ, chị đã đồng ý quay lại chung sống cùng anh P. Nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì anh P lại rượu chè, cờ bạc,

anh P không hề thay đổi mà vẫn chờ đợi chị nên nay chị không đồng ý quay lại chung sống cùng anh P nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh chị không thể tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn P.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Dương Thị L, sinh năm 1998 và Dương Văn L1, sinh năm 2000. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên chị không có yêu cầu gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ*: Anh chị có vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã B số tiền là 30.000.000 đồng tiền nợ gốc. Hiện nay chị đã trả hết số tiền nợ 30.000.000 đồng cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Bảo Sơn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- *Về ruộng đất nông nghiệp*: Không có gì vướng mắc nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng*: Tôi không có tài sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị đề nghị Tòa án giải quyết những tài sản chung như sau:

+ Thửa đất có diện tích 5.770m², trong đó có 360m² có giá trị là 406.800.000 đồng đất ở và 5.410m² đất vườn có giá trị là 227.220.000 đồng đã được Chủ tịch UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P; địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ 01 nhà cấp 4, loại I xây dựng năm 2005 có diện tích 79,38m² có giá trị là 85.000.000 đồng nằm gắn liền với thửa đất có diện tích 5.770m².

+ 01 sân lát gạch lá nem có diện tích 99,66m² nằm gắn liền với thửa đất có giá trị là 4.200.000 đồng.

+ 01 công trình phụ (bếp) lợp proximang có diện tích 38,3m² nằm gắn liền với thửa đất có diện tích 5.770m² có giá trị là 15.000.000 đồng.

+ Khu vệ sinh (1 gian nhà tắm, 1 gian vệ sinh) có diện tích 17,95m² giá trị là 5.400.000 đồng.

Ngoài ra còn một số tài sản khác như 01 bộ bàn ghế, 01 tủ bếp, 01 máy lọc nước, 01 ngôi nhà ngói có diện tích 90m² tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi đồng ý với giá trị mà Hội đồng định giá đã xác định giá như trên.

Toàn bộ số tài sản này tôi xác định là tài sản chung của vợ chồng tôi. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi toàn bộ số tài sản chung này theo hướng giao cho anh P sử dụng phần đất có các công trình gắn liền với đất và giao cho tôi phần đất không có công trình trên đất tương ứng với diện tích khoảng 2000m², và anh P có nghĩa vụ trích chia chênh lệch tài sản chung cho tôi.

Ngoài ra chị M không còn yêu cầu nào khác.

* Theo biên bản ghi lời khai, bị đơn là **anh Dương Văn P** trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 17/12/1997, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay. Anh chị có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có hai con chung.

Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019 đến nay, nguyên nhân do chị M muốn đi Trung Quốc làm ăn nhưng anh không đồng ý cho chị M đi nên giữa anh chị mâu thuẫn, cãi nhau và chị M đã tự ý bỏ đi sang Trung Quốc làm ăn. Chị M đi Trung Quốc được khoảng 1-2 tháng thì lại về, sau khi về thì chị M không quay về chung sống cùng anh mà chị M đã ra Hà Nội để làm ăn. Bản thân anh không gọi chị M quay về chung sống nhưng anh chị em trong gia đình anh có khuyên bảo chị M quay về chung sống cùng anh để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị M không đồng ý. Trong khoảng thời gian từ năm 2019, khi chị M bỏ đi thì anh ở nhà một mình nuôi dạy con cái, chị M không quan tâm gì đến con cái và cũng không hỗ trợ anh việc nuôi con. Đến ngày 28 tết âm lịch năm 2024 thì chị M có về nhà, trong những ngày chị M ở nhà thì anh chị cũng có cãi nhau qua lại một vài câu nên ăn tết xong đến ngày mùng 5 tết thì chị M lại bỏ đi.

Anh có khuyên bảo chị M là giờ các con đều đã lớn, trưởng thành và có gia đình riêng thì quay về nhà để trong nom nhà cửa, trông cháu cho các con làm ăn nhưng chị M không đồng ý.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu chị M nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Dương Thị L, sinh năm 1998 và Dương Văn L1, sinh năm 2000. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên anh không có yêu cầu gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ*: Anh chị có vay của Q tín dụng xã B số tiền là 30.000.000 đồng tiền nợ gốc. Anh chị vay khoảng năm 2019, hiện nay vẫn chưa trả được số tiền nợ gốc này, đối với số nợ lãi thì anh không biết là bao nhiêu. Mục đích anh chị vay số tiền này là để làm nhà và trả nợ. Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết số công nợ này theo quy định của pháp luật là hai vợ chồng cùng phải trả, nếu anh trả số nợ này thì trừ vào tổng số trị giá tài sản chung của vợ chồng.

- *Về ruộng đất nông nghiệp*: Không có gì vướng mắc nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng*: Anh không có tài sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát triển được những tài sản chung như sau:

+ Thửa đất có diện tích 5.770m², trong đó có 360m² đất ở và 5.410m² đất vườn đã được Chủ tịch UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P; địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nguồn gốc thửa đất này là của bố mẹ anh để lại cho hai vợ chồng anh. Đối với thửa đất này thì bố mẹ anh đã cho vợ chồng anh, là đất của ông bà để lại nên anh đề nghị thửa đất này để lại cho hai con.

+ 01 nhà cấp 4 (dạng mái thái), hiên đổ trần, mái lợp ngói 1 nửa và lợp proximang 1 nửa, diện tích khoảng 75m², xây dựng khoảng năm 2011 nằm gắn liền với thửa đất có diện tích 5.770m². Ngôi nhà này là do hai vợ chồng cùng nhau xây dựng hết khoảng 170.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng. Anh xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, nay chị M đề nghị chia thì anh đồng ý, đề nghị Tòa án xác định giá trị của ngôi nhà và giao cho anh sử dụng ngôi nhà và anh sẽ có trách nhiệm trích giá trị chênh lệch tài sản cho chị M bằng tiền.

+ 01 sân lát gạch lá nem năm 2015, có diện tích khoảng 80m² nằm gắn liền với thửa đất có diện tích 5.770m². Sân gạch này là do hai vợ chồng cùng làm hết khoảng 10.000.000 đồng. Anh xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, nay chị M đề nghị chia thì anh đồng ý, đề nghị Tòa án xác định giá trị của ngôi nhà và giao cho anh sử dụng ngôi nhà và anh sẽ có trách nhiệm trích giá trị chênh lệch tài sản cho chị M bằng tiền.

+ 01 công trình phụ lợp proximang có diện tích khoảng 30m², xây năm 2011 cùng với ngôi nhà chính, trong đó có 2 gian bếp, 01 gian nhà tắm, 01 gian nhà vệ sinh nằm gắn liền với thửa đất có diện tích 5.770m². Công trình phụ này cũng là do hai vợ chồng cùng làm. Anh xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, nay chị M đề nghị chia thì anh đồng ý, đề nghị Tòa án xác định giá trị của ngôi nhà và giao cho anh sử dụng ngôi nhà và anh sẽ có trách nhiệm trích giá trị chênh lệch tài sản cho chị M bằng tiền.

+ 01 bộ bàn ghế gỗ uống nước mua năm 2020 có giá là 28.000.000 đồng. Bộ bàn ghế này là do cháu L1 và anh góp tiền cùng mua, anh có 7.000.000 đồng đưa cho cháu L1, còn chị M không có tiền. Nay chị M đề nghị chia bộ bàn ghế này thì anh cũng đề nghị Tòa án định giá và anh sẽ trích chia bằng tiền cho chị M.

+ 01 bộ tủ bếp bằng nhôm làm cuối năm 2023 có giá là 10.000.000 đồng. Bộ tủ bếp này cũng là cháu L1 tự làm, anh chị không có đồng nào góp vào để mua bộ tủ bếp này. Anh xác định bộ tủ bếp này là của cháu L1, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng trả cho cháu L1 sử dụng.

+ 01 máy lọc nước mua cuối năm 2023 có giá 5.500.000 đồng. Máy lọc nước này là chị M và cháu L1 cùng đi mua. Nếu chị M đề nghị chia thì anh cũng đồng ý chia đôi.

Ngoài những tài sản trên ra thì anh không đề nghị chia tài sản nào khác nữa.

Ngoài ra, anh P không còn ý kiến nào khác.

** Theo biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Dương Văn L1 và chị Dương Thị L** trình bày:*

Anh chị là con đẻ của bà Bùi Thị M và ông Dương Văn P. Hiện nay mẹ anh chị có làm đơn xin ly hôn bố anh chị và có đề nghị chia tài sản chung bao gồm:

+ Thửa đất có diện tích 5.770m², trong đó có 360m² đất ở và 5.410m² đất vườn đã được Chủ tịch UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P; địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ 01 nhà cấp 4 (dạng mái thái), hiên đổ trần, mái lợp ngói 1 nửa và lợp proximang 1 nửa, diện tích khoảng 75m², xây dựng năm 2011 nằm gắn liền với thửa đất có diện tích 5.770m².

+ 01 sân lát gạch lá nem năm 2011, có diện tích khoảng 80m² nằm gắn liền với thửa đất có diện tích 5.770m².

+ 01 công trình phụ lợp proximang có diện tích khoảng 30m², xây năm 2011, trong đó có 2 gian bếp, 01 gian nhà tắm, 01 gian nhà vệ sinh nằm gắn liền với thửa đất có diện tích 5.770m².

+ 01 bộ bàn ghế gỗ uống nước mua năm 2020 có giá là 28.000.000 đồng.

+ 01 bộ tủ bếp bằng nhôm làm cuối năm 2023 có giá là 10.000.000 đồng.

+ 01 máy lọc nước mua cuối năm 2023 có giá 5.500.000 đồng.

Toàn bộ khối tài sản trên là tài sản chung của bố mẹ anh chị, bản thân anh chị không đóng góp được gì. Thửa đất trên đều là của ông bà nội anh chị để lại cho bố mẹ anh chị, còn toàn bộ tài sản trên đất là do bố mẹ anh chị cùng nhau xây dựng, bản thân anh chị khi đó còn nhỏ, sống phụ thuộc vào gia đình nên không có đóng góp được gì vào khối tài sản chung này.

Nay, mẹ anh chị đề nghị Tòa án chia toàn bộ số tài sản chung như trên thì anh chị đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật cho bố mẹ anh chị, bản thân anh chị không có bất cứ yêu cầu gì đối với toàn bộ khối tài sản chung của bố mẹ anh chị như trên.

Ngoài ra, anh Dương Văn L1 và chị Dương Thị L không còn ý kiến nào khác.

** Theo biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Quỹ tín dụng nhân dân xã B do ông Tô Xuân H1**, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị đại diện theo pháp luật trình bày:*

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn ngày 20/11/2023 của ông Dương Văn P, căn cứ tờ trình thẩm định ngày 20/11/2023 của cán bộ tín dụng.

Ngày 21/11/2023, Quỹ tín dụng nhân dân xã B ký hợp đồng cho vay với ông Dương Văn P (người thừa kế là anh Dương Văn L1) về việc cho ông Dương Văn L1

vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư chăn nuôi gà, thời hạn vay là 12 tháng, phương thức cho vay từng lần, mức lãi suất cho vay là 10%/ năm.

Theo hợp đồng cho vay thì hiện nay hợp đồng cho vay của anh Dương Văn P chưa hết hạn. Nay anh P và chị M khởi kiện ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng thì quan điểm của ông như sau: Ông đã được Tòa án giải thích về việc ông có quyền làm đơn yêu cầu độc lập buộc ông P phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã B số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hợp đồng cho vay chưa đến hạn trả nợ tiền gốc nên ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P phải trả số tiền gốc này. Khi nào có yêu cầu, ông sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại hợp đồng cho vay, anh Dương Văn P là người ký hợp đồng và người thừa kế là anh Dương Văn L1, chị Bùi Thị M không ký hợp đồng cho vay. Nếu trường hợp phải trả số tiền này thì anh Dương Văn P là người phải trả số tiền này, còn chị Bùi Thị M không phải trả do không ký hợp đồng này.

Tuy nhiên, ngày 26/6/2024 chị Bùi Thị M đã thanh toán xong số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho Quỹ tín dụng nhân dân xã B. Quỹ tín dụng nhân dân xã B xác nhận hiện nay gia đình chị M anh P không còn nợ tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân xã B nữa.

Ngoài ra, Quỹ tín dụng nhân dân xã B không có ý kiến nào khác.

** Theo biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã B do ông Chu Văn H2 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S118212 cấp ngày 04/10/2000 đối với hộ ông Dương Văn P thì diện tích hộ ông Dương Văn P được sử dụng là 5.770m², trong đó có 360m² đất ở và 5.410m² đất vườn.

Quá trình tranh chấp các đương sự đã đề nghị đo đạc hiện trạng thửa đất, kết quả đo đạc hiện trạng thì diện tích đất của hộ ông Dương Văn P có diện tích là 6.176m². Kết quả đo đạc hiện trạng có tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 406m². Nguyên nhân của việc tăng diện tích là do thời điểm năm 2000 khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan Nhà nước dùng biện pháp đo đạc thủ công nên kết quả chưa được chính xác. Hiện nay, đo đạc bằng máy nên kết quả chính xác. Quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả đo hiện trạng để giải quyết. Vì kết quả hiện trạng đúng với thực tế, các bên sử dụng đất từ nhiều năm nay và không có tranh chấp từ các hộ xung quanh.

Trường hợp giải quyết vụ án, nếu phải tách diện tích đất này thì diện tích đất này đủ điều kiện để tách thửa. Đề nghị Tòa án căn cứ vào diện tích hiện trạng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân xã B không còn ý kiến nào khác.

** Theo biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn D1 trình bày:*

Ông là anh trai ruột của anh Dương Văn P, anh P và chị M kết hôn theo phong tục địa phương từ những năm 1997. Sau khi cưới, chị M về nhà ông chung sống và ở tại thửa đất mà anh chị đang tranh chấp cho đến nay. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều năm hạnh phúc, đến một hai năm trở lại đây anh P và chị M có xảy ra mâu thuẫn và chị M có đề nghị ly hôn với anh P.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Anh P và chị M có tài sản chung là thửa đất rộng 5.770m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh P và chị M từ những năm 2000. Nguồn gốc thửa đất này là do bố mẹ ông để lại, do anh P là con út nên ở với bố mẹ ông. Khi còn sống bố mẹ ông đồng ý cho anh P và chị M thửa đất này. Gia đình ông hoàn toàn nhất trí, không ai có tranh chấp gì. Quá trình chung sống, anh chị xây dựng được trên đất một số công trình phụ, nhà cấp 4, sân lát gạch. Toàn bộ tài sản này là tài sản chung của anh P và chị M. Bố ông là cụ Dương Văn V1 mất năm 2004, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Thích m năm 2022. Khi còn sống bố mẹ ông ở cùng anh P và chị M, khi ốm đau và trước khi mất thì ở trên nhà ông vì ông là con trưởng.

Đối với tài sản của anh P và chị M là thửa đất này ông không có yêu cầu gì vì thửa đất này bố mẹ ông đã cho anh P và chị M.

Ngoài ra, ông Dương Văn D1 không còn ý kiến nào khác.

** Theo biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị D trình bày:*

Bà là chị gái ruột của anh Dương Văn P, anh P và chị M kết hôn với nhau từ những năm 1997, có được tự nguyện tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, chị M về nhà bà chung sống ngay, anh P và chị M có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Đến vài năm gần đây, anh P và chị M có xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì bà không rõ, sau đó chị M đề nghị giải quyết ly hôn anh P.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Anh P và chị M có tài sản chung là thửa đất rộng 5.770m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh P và chị M từ những năm 2000. Nguồn gốc thửa đất này là do bố mẹ bà để lại, do anh P là con út trong nhà nên ở với bố mẹ bà. Khi đó bố mẹ bà đã đồng ý để thửa đất đó cho anh P và chị M. Gia đình bà hoàn toàn nhất trí với quyết định trên, không ai có ý kiến gì. Quá trình anh P và chị M chung sống có xây dựng thêm một số công trình phụ, nhà cấp 4, sân lát gạch. Toàn bộ tài sản này là tài sản chung của anh P và chị M. Bố ông là cụ Dương Văn V1 mất năm 2004, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Thích m năm 2022. Khi còn sống, bố mẹ bà ở cùng gia đình anh P và chị M, đến khi ốm đau thì chuyển lên nhà ông D1 sinh sống.

Đối với thửa đất này, bà hoàn toàn nhất trí đó là tài sản của anh P và chị M và bà không yêu cầu gì đối với thửa đất này vì đất đã được bố mẹ bà để lại cho anh P và chị M.

Ngoài ra, bà Dương Thị D không còn ý kiến nào khác.

** Theo biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị C trình bày:*

Bà là chị gái ruột của anh Dương Văn P, anh P và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có cưới xin theo phong tục địa phương khoảng những năm 1997. Sau khi kết hôn, anh P và chị M về ở với nhau ngay và có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, vài năm gần đây anh P và chị M xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì bà không rõ, nhưng bà nghe lại là anh P thường xuyên uống rượu, mắng chửi vợ con. Sau đó, chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh P.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Thửa đất đang tranh chấp có diện tích 5.770m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Dương Văn P và chị Bùi Thị M. Thửa đất này là bố mẹ bà để lại và đã cho anh P và chị M. Trước đây ông bà để lại cho anh P và chị M do anh P là con út trong nhà. Ông bà ở với anh P và chị M đến khi ốm đau, bệnh tật thì mới chuyển lên nhà ông D1 sinh sống, do ông D1 là con trai trưởng. Bố bà là cụ V1 mất năm 2004, mẹ bà là cụ T2 mất năm 2022. Đối với thửa đất này, bà cũng không có ý kiến gì và đồng ý đó là tài sản của anh P và chị M.

Ngoài ra, bà Dương Thị C không còn ý kiến nào khác.

** Theo biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị C1 trình bày:*

Bà là chị gái ruột của anh Dương Văn P, anh P và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Anh P và chị M kết hôn những năm 1997, sau khi cưới, chị M và anh P về ở với nhau ngay. Anh P và chị M có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Đến vài năm gần đây anh P và chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của anh P và chị M, chỉ biết là do anh P hay uống rượu. Sau đó, chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh P.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ những năm 2000 mang tên anh Dương Văn P và chị Bùi Thị M. Thửa đất này là bố mẹ bà để lại, thời điểm còn sống, bố mẹ bà ở cùng với anh P và chị M do anh P là con út. Sau đó ông bà có để lại thửa đất cho anh P và chị M, hiện tại đã cấp sổ và mang tên anh P và chị M. Bố mẹ bà có ở cùng anh P đến khi ốm đau, bệnh tật thì chuyển lên nhà ông D1 ở vì ông D1 là con trai trưởng trong nhà. Bố bà là cụ V1 mất năm 2004, mẹ bà là cụ T2 mất năm 2022.

Đối với thửa đất trên, bà không có ý kiến gì vì bà xác nhận đó là tài sản chung của anh P và chị M.

Ngoài ra, bà Dương Thị C1 không còn ý kiến nào khác.

** Theo biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị T1 trình bày:*

Bà là chị gái ruột của anh Dương Văn P, anh P và chị M kết hôn năm 1997, sau khi kết hôn thì anh chị ở chung với bố mẹ đẻ ra bà. Anh P và chị M có thời gian dài chung sống hạnh phúc, nhưng vài năm gần đây anh chị Thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bà lấy chồng xa nên không biết cụ thể mâu thuẫn là gì.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Thửa đất đang tranh chấp có diện tích 5.770m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh P và chị M là do bố mẹ bà để lại cho anh P và chị M. Anh P là con út trong nhà nên được ông bà để lại, ông bà ở với anh P và chị M đến khi ốm đau, bệnh tật thì lên nhà ông D1 sinh sống. Bố bà là cụ V1 mất năm 2004, mẹ bà là cụ T2 mất năm 2022. Đối với thửa đất này bà không có ý kiến gì, nhất trí nó thuộc quyền sử dụng của anh P và chị M.

Ngoài ra, bà Bùi Thị T1 không còn ý kiến nào khác.

*** *Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập được các tài liệu, chứng cứ như sau:***

- *Tại biên bản làm việc, ông Bùi Như Ý, chức vụ: Phó trưởng thôn Huê Vân 2, xã B trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh P kết hôn với nhau từ những năm 1997, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, còn có đăng ký kết hôn tại UBND xã hay không thì ông không biết. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay, quá trình chung sống vợ chồng có thời gian dài hòa thuận.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ thời gian nào thì ông không rõ, nguyên nhân theo ông được biết là do anh P có rượu chè, đánh đập vợ con thường xuyên. Cách đây vài năm chị M có bỏ đi, đến trước tết năm 2024 chị M có quay về chung sống cùng anh P. Tuy nhiên, qua tết âm lịch, vợ chồng lại mâu thuẫn, chị M bỏ đi chỗ khác sinh sống. Theo quan điểm của ông thì vợ chồng anh P, chị M khó có khả năng đoàn tụ, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Vợ chồng anh P và chị M có hai con chung là Dương Thị L, sinh năm 1988 và Dương Văn L1, sinh năm 2000. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

+ Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị M và anh P có tài sản chung là thửa đất có diện tích hơn 5.000m² và nhà cửa, công trình phụ. Nguồn gốc thửa đất của anh P, chị M là của bố mẹ anh P là cụ V1 và cụ T2 để lại. Sau khi anh P kết hôn với chị M thì vợ chồng anh chị sống trên thửa đất này từ đó đến nay. Vợ chồng cụ V1 và cụ T2 có chung sống cùng anh P và chị M đến khi ốm đau, già yếu thì chuyển qua nhà anh trai cả ở. Hiện nay cụ V1 và cụ T2 đều đã mất, cụ V1 mất năm 2004, cụ T2 mất năm 2021.

Quá trình sử dụng thửa đất, cụ V1 và cụ T2 có tặng cho anh P và chị M quyền sử dụng thửa đất này hay không thì ông không được biết. Nhưng anh P và chị M là người trực tiếp sử dụng thửa đất này từ năm 1997 đến nay. Quá trình chung sống, anh chị có

xây dựng được một ngôi nhà một tầng và các công trình phụ trên đất. Từ năm 1997 đến nay, anh P và chị M sử dụng thửa đất ổn định và không có tranh chấp với ai. Các anh chị em trong gia đình anh P không ai có ý kiến gì và thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh P, chị M.

Nay chị M đề nghị Tòa án chia tài sản chung với diện tích đất ở và các công trình gắn liền với đất thì ông đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế sử dụng, hiện trạng sử dụng và các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị M có đơn đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với tài sản chung của vợ chồng.*

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2024 như sau:

+ Thửa đất có diện tích 5.770m², trong đó có 360m² đất ở và 5.410m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P; địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Thửa đất có các vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất nhà ông Dương Văn D1, phía tây giáp đất rừng, phía Đông giáp đường bê tông của thôn H, phía Nam giáp thửa đất nhà bà giáp Thị D2.

+ 01 nhà cấp 4 loại 1 xây dựng khoảng năm 2005 có diện tích 79,38m².

+ 01 sân lát gạch lá nem có diện tích 99,66m² xây dựng năm 207.

+ 01 công trình phụ (bếp) có diện tích 38,3m² xây dựng khoảng năm 2005.

+ Khu vệ sinh có diện tích 17,95m² xây dựng khoảng năm 2005 (gồm 01 gian nhà tắm và 01 nhà vệ sinh).

+ 01 bàn ghế gỗ, 01 bộ tủ bếp bằng nhôm chị M không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xem xét thẩm định không xem xét.

Ngoài ra trên diện tích đất tranh chấp còn 01 số cây lâm lộc như nhãn, bưởi, vú sữa... Tuy nhiên, các đương sự không đề nghị xem xét nên Hội đồng thẩm định không xem xét.

- Kết quả định giá tài sản ngày 10/5/2024 như sau:

+ *Về đất:* Căn cứ vào Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh B về quy định bảng giá đất giai đoạn 2022 - 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì thửa đất tranh chấp thuộc khu vực 2, vị trí 1, xã nhóm A: Đất ở có giá là 1.130.000 đồng/m²; Đất vườn có giá là 42.000 đồng/m².

Sau khi tham khảo giá thực tế tại địa phương ở thời điểm định giá tại vị trí tương đồng thì tại khu vực này không có giao dịch thực tế nên Hội đồng không xác định được giá giao dịch đối với đất ở.

Đối với đất trồng cây lâu năm: Hội đồng định giá quyết định giá trị là 300.000 đồng/m² (căn cứ quy định hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng).

+ Về nhà: 01 nhà cấp 4 loại 1 có diện tích 79,38m² giá trị sau khi khấu hao còn lại là 85.000.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem có diện tích 99,66m² giá trị sau khi khấu hao là 4.200.000 đồng; 01 công trình phụ (bếp) có diện tích 38,3m² giá trị sau khi khấu hao là 15.000.000 đồng; Khu vệ sinh có diện tích 17,95m² (gồm 01 gian nhà tắm và 01 nhà vệ sinh) giá trị sau khi khấu hao là 5.400.000 đồng.

Ngoài ra còn một số tài sản khác là 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 tủ bếp bằng nhôm, 01 máy lọc nước chị M không đề nghị định giá nên Hội đồng không định giá.

- Ngày 25 tháng 6 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 31 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam mở phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa ngày 23 tháng 8 năm 2024, bà Dương Thị D, bà Dương Thị C1, bà Dương Thị C và Ủy ban nhân dân xã B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Dương Văn P, ông Dương Văn D1, ông Dương Văn V, bà Dương Thị T, bà Bùi Thị T1, Quỹ tín dụng nhân dân xã B và Ủy ban nhân dân huyện L đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bà Dương Thị D, bà Dương Thị C1, bà Dương Thị C và Ủy ban nhân dân xã B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Dương Văn P, ông Dương Văn D1, ông Dương Văn V, bà Dương Thị T, bà Bùi Thị T1, Quỹ tín dụng nhân dân xã B và Ủy ban nhân dân huyện L đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng tại phiên tòa không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 33, Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 207, Điều 209, Điều 213, Điều 219 của Bộ luật dân sự; Điều 99, 166 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Dương Văn P.
- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M về việc chia tài sản chung.

+ Chia cho chị Bùi Thị M diện tích đất 2.000m² (trong đó có 120m² đất ở và 1.880m² đất vườn) có giá trị là **699.600.000 đồng** (Hình A) nằm trong tổng diện tích 6.176m² đất tại thửa đất số 101+116, tờ bản đồ số 10 đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P, địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang đồng.

+ Chia cho anh Dương Văn P diện tích đất 4.176m² (trong đó có 240m² đất ở và 3.936m² đất vườn) có giá trị là **1.452.000.000 đồng** (hình A-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-C-B) nằm trong tổng diện tích 6.176m² đất tại thửa đất số 101+116, tờ bản đồ số 10 đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P, địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang đồng và các tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà cấp 4, loại I có diện tích 79,38m² có giá trị là 85.000.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem có diện tích 99,66m² có giá trị là 4.200.000 đồng; 01 công trình phụ (bếp) lợp proximang có diện tích 38,3m² có giá trị là 15.000.000 đồng và Khu vệ sinh (1 gian nhà tắm, 1 gian vệ sinh) có diện tích 17,95m² giá trị là 5.400.000 đồng.

+ Anh Dương Văn P có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị M số tiền chênh lệch của tài sản chung là 250.000.000 đồng.

+ Về chi phí tố tụng: Chị Bùi Thị M tự nguyện chịu **8.252.000 đồng** chi phí tố tụng.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với bị đơn là anh Dương Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã B, bà Dương Thị D, bà Dương Thị C1, bà Dương Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn D1, ông Dương Văn V, bà bà Dương Thị T, bà Bùi Thị T1, bà Dương Thị M1, Quý tín dụng nhân dân xã B và Ủy ban nhân dân huyện L đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Anh Dương Văn P có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Bùi Thị M có đơn xin ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn với anh Dương Văn P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*".

[4] *Về nội dung*:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị M và anh Dương Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 17/12/1997. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, quá trình chung sống anh chị có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân theo chị M là do anh chị không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh P thường xuyên rượu chè, chửi bới chị và đuổi chị đi, không cho chị ở cùng nhà; theo anh P thì nguyên nhân mâu thuẫn do chị M muốn đi Trung Quốc làm ăn nhưng anh không đồng ý cho chị M đi nên giữa anh chị mâu thuẫn, cãi nhau và chị M đã tự ý bỏ đi sang Trung Quốc làm ăn. Chị M đi Trung Quốc được khoảng 1-2 tháng thì lại về, sau khi về thì chị M không quay về chung sống cùng anh nữa.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, ông Bùi Như Ý – Phó Trưởng thôn Huê Vân 2, xã B cho biết: Chị M và anh P phát sinh mâu thuẫn như nào thì ông không rõ nhưng ông có nghe nói là do anh P có rượu chè, đánh đập vợ con thường xuyên. Nay chị M xin ly hôn anh P thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị M được ly hôn với anh P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Chị M và anh P có hai con chung là Dương Thị L, sinh năm 1988 và Dương Văn L1, sinh năm 2000. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh P và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thị M đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm những tài sản sau:

+ Thửa đất có diện tích 5.770m² (theo kết quả đo hiện trạng là 6.176m²) trong đó có 360m² có giá trị là 406.800.000 đồng đất ở và 5.816m² đất vườn có giá trị là 1.744.800.000 đồng đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P; địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ 01 nhà cấp 4, loại I xây dựng năm 2005 có diện tích 79,38m² có giá trị là 85.000.000 đồng nằm gắn liền với thửa đất có diện tích 5.770m².

+ 01 sân lát gạch lá nem có diện tích 99,66m² nằm gắn liền với thửa đất có giá trị là 4.200.000 đồng.

+ 01 công trình phụ (bếp) lợp proximang có diện tích 38,3m² nằm gắn liền với thửa đất có diện tích 5.770m² có giá trị là 15.000.000 đồng.

+ Khu vệ sinh (1 gian nhà tắm, 1 gian vệ sinh) có diện tích 17,95m² giá trị là 5.400.000 đồng.

Ngoài ra còn một số tài sản khác như 01 bộ bàn ghế, 01 tủ bếp, 01 máy lọc nước, 01 ngôi nhà ngói có diện tích 90m² chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toàn bộ số tài sản này chị xác định là tài sản chung của vợ chồng chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi toàn bộ số tài sản chung này theo hướng giao cho anh P sử dụng phần đất có các công trình gắn liền với đất và giao cho chị phần đất không có công trình trên đất tương ứng với diện tích khoảng 2000m², và anh P có nghĩa vụ trích chia chênh lệch tài sản chung cho chị.

[4.3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Bùi Thị M và anh Dương Văn P đều thừa nhận thửa đất có diện tích 5.770m² (theo kết quả đo hiện trạng là 6.176m²) trong đó có 360m² có giá trị là 406.800.000 đồng đất ở và 5.816m² đất vườn có giá trị là 1.744.800.000 đồng đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P, địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang là có nguồn gốc do cụ V1 và cụ T2 (là bố mẹ đẻ của anh P) cho anh P, chị M và đều thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, anh P đề nghị để lại thửa đất này cho con, chị M đề nghị Tòa án chia theo hướng giao cho anh P phần đất có các công trình trên đất, giao cho chị phần đất không có công trình trên đất.

Đối với tài sản gắn liền với đất là 01 nhà cấp 4, loại I có diện tích 79,38m² có giá trị là 85.000.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem có diện tích 99,66m² có giá trị là 4.200.000 đồng; 01 công trình phụ (bếp) lợp proximang có diện tích 38,3m² có giá trị là 15.000.000 đồng và Khu vệ sinh (1 gian nhà tắm, 1 gian vệ sinh) có diện tích 17,95m² giá trị là 5.400.000 đồng chị M và anh P đều thừa nhận là tài sản chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Chị Dương Thị L và anh Dương Văn L1 đều thừa nhận thửa đất có diện tích 5.770m² và các công trình gắn liền với đất là tài sản chung của anh P và chị M có nguồn gốc là của cụ V1 và cụ T2 cho anh P và chị M nên anh L và chị L1 không có yêu cầu gì đối với thửa đất này.

Ông Dương Văn D1, bà Dương Thị D, bà Dương Thị C, bà Dương Thị C1 và bà Bùi Thị T1 đều thừa nhận thửa đất có diện tích 5.770m² và các công trình gắn liền với đất là tài sản chung của anh P và chị M có nguồn gốc là của cụ V1 và cụ T2 cho anh P và chị M nên các ông, bà không có yêu cầu gì đối với thửa đất này.

Như vậy, đây là **tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.**

Tổng giá trị tài sản chung của chị Bùi Thị M và anh Dương Văn P là **2.261.200.000 đồng.**

* Từ những nhận định nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị M về việc đề nghị chia thừa đất có diện tích là 5.770m^2 (theo kết quả đo hiện trạng là 6.176m^2), trong đó có 360m^2 đất ở và 5.816m^2 đất vườn đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P, địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang cùng tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà cấp 4, loại I có diện tích $79,38\text{m}^2$; 01 sân lát gạch lá nem có diện tích $99,66\text{m}^2$; 01 công trình phụ (bếp) lợp proximang có diện tích $38,3\text{m}^2$ và Khu vệ sinh (1 gian nhà tắm, 1 gian vệ sinh) có diện tích $17,95\text{m}^2$ cho chị Bùi Thị M và anh Dương Văn P.

- Theo đó, chị Bùi Thị M có nguyện vọng giao cho chị M được sử dụng phần đất không có công trình trên đất với diện tích khoảng 2.000m^2 và giao cho anh P toàn bộ phần đất còn lại có công trình gắn liền với đất và anh P phải trích chia phần chênh lệch tài sản cho chị. Tuy nhiên, do nguồn gốc thừa đất này là của cụ V1 và cụ T2 (là bố mẹ đẻ của anh P) nên cần chia cho anh P phần diện tích đất nhiều hơn để đảm bảo quyền lợi của anh P là phù hợp. Cụ thể như sau:

Căn cứ vào sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất thì thửa đất được thể hiện bằng hai hình 1-2-3-4-5-6-7-A-B-C-19-20-21-22-23-24-25-26-27-28 = 4.176m^2 và A-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-19CB = 2.000m^2 .

Trong đó: 1-2 = 6,49m; 2-3 = 4,74m; 3-4 = 5,91m; 4-5 = 13,75m; 5-6 = 18,59m; 6-7 = 8,18m; 7-8 = 35,01m; 8-9 = 14,845m; 9-10 = 3,71m; 10-11 = 13,21m; 11-12 = 4,84m; 12-13 = 17,12m; 13-14 = 3,57; 14-15 = 3,37; 15-16 = 5,96m; 16-17 = 15,17m; 17-18 = 9,16m; 18-19 = 13,02m; 19-20 = 17,72m; 20-21 = 2,57m; 21-22 = 20,69m; 22-23 = 44,87m; 23-24 = 5,32m; 24-25 = 5,91m; 25-26 = 50,17m; 26-27 = 1,99m; 27-28 = 11,24m; 28-1 = 20,8m; AB = 41,61m; BC = 26,53m (có sơ đồ kèm theo).

+ Chia cho chị Bùi Thị M phần diện tích đất là 2.000m^2 (trong đó có 120m^2 đất ở và 1.880m^2 đất vườn) có tổng giá trị là **699.600.000 đồng** (trong đó: 120m^2 đất ở x $1.130.000$ đồng/ m^2 = $135.600.000$ đồng; 1.880m^2 đất vườn x 300.000 đồng/ m^2 = $564.000.000$ đồng), tương ứng với hình A-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-C-B.

+ Chia cho anh Dương Văn P phần diện tích đất là 4.176m^2 (trong đó có 240m^2 đất ở và 3.936m^2 đất vườn) có tổng giá trị là **1.452.000.000 đồng** (trong đó: 240m^2 đất ở x $1.130.000$ đồng/ m^2 = $271.200.000$ đồng; 3.936m^2 đất vườn x 300.000 đồng/ m^2 = $1.180.800.000$ đồng), tương ứng với hình A-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-C-B.

Anh Dương Văn P có nghĩa vụ trích chia cho chị Bùi Thị M số tiền chênh lệch của tài sản chung là 200.000.000 đồng. Chị M được nhận số tiền 200.000.000 đồng chênh lệch tài sản do anh P trả.

* Đối với tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà cấp 4, loại I có diện tích 79,38m² có giá trị là 85.000.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem có diện tích 99,66m² có giá trị là 4.200.000 đồng; 01 công trình phụ (bếp) lợp proximang có diện tích 38,3m² có giá trị là 15.000.000 đồng và Khu vệ sinh (1 gian nhà tắm, 1 gian vệ sinh) có diện tích 17,95m² giá trị là 5.400.000 đồng.

Chị Bùi Thị M đề nghị giao toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho anh Dương Văn P sử dụng và anh P phải có trách nhiệm trích chia chênh lệch cho chị. Anh P đồng ý trích chia chênh lệch tài sản chung là các tài sản gắn liền với đất cho chị M theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị M và anh P về việc giao toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà cấp 4, loại I có diện tích 79,38m² có giá trị là 85.000.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem có diện tích 99,66m² có giá trị là 4.200.000 đồng; 01 công trình phụ (bếp) lợp proximang có diện tích 38,3m² có giá trị là 15.000.000 đồng và Khu vệ sinh (1 gian nhà tắm, 1 gian vệ sinh) có diện tích 17,95m² giá trị là 5.400.000 đồng cho anh Dương Văn P sử dụng. Tổng trị giá tài sản gắn liền với đất là **109.600.000 đồng**.

Anh Dương Văn P có nghĩa vụ trích chia cho chị Bùi Thị M số tiền chênh lệch của tài sản chung gắn liền với đất là **50.000.000 đồng**. Chị M được nhận số tiền 50.000.000 đồng chênh lệch tài sản do anh P trả.

[4.3.2] Như vậy, tổng giá trị tài sản của chị M và anh P là **2.261.200.000 đồng**. Trong đó, giá trị tài sản chị M và anh P được hưởng như sau:

- Chị Bùi Thị M: **699.600.000 đồng**
- Anh Dương Văn P: **1.561.600.000 đồng**

[4.3.3] Anh Dương Văn P có nghĩa vụ trích chia cho chị Bùi Thị M số tiền chênh lệch của tài sản chung là 250.000.000 đồng. Chị M được nhận số tiền 250.000.000 đồng chênh lệch tài sản do anh P trả.

[4.4] Về công nợ: Anh Dương Văn P có vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã B số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/11/2023.

Tuy nhiên, ngày 26/6/2024 chị Bùi Thị M đã thanh toán xong số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho Quỹ tín dụng nhân dân xã B. Quỹ tín dụng nhân dân xã B xác nhận hiện nay gia đình chị M anh P không còn nợ tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân xã B nữa.

Nay, chị Bùi Thị M và Quỹ tín dụng nhân dân xã B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Đối với số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ **tài sản**, đo bằng máy và định giá tài sản chị Bùi Thị M đã nộp là **8.252.000 đồng**, do chị M tự nguyện chịu cả nên cần được chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 40.488.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản chung mà chị được nhận (Phần tài sản chung chị M được nhận có giá trị là **949.600.000 đồng**). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 8.300.000 đồng chị đã nộp tại biên lai số: 0008100 ngày 04/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, chị Bùi Thị M còn phải nộp tiếp số tiền án phí sơ thẩm là 32.488.000 đồng.

Anh Dương Văn P phải chịu 51.348.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản chung mà anh được nhận (Phần tài sản chung anh P được nhận có giá trị là **1.311.600.000 đồng**).

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 33, Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 207, Điều 209, Điều 213, Điều 219 của Bộ luật dân sự; Điều 99, 166 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, X:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Dương Văn P.

2. *Về tài sản chung*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn của chị Bùi Thị M.

2.1. Chia cho chị Bùi Thị M diện tích đất 2.000m² (trong đó có 120m² đất ở và 1.880m² đất vườn) có giá trị là **699.600.000 đồng** (Hình A) nằm trong tổng diện tích 6.176m² đất tại thửa đất số 101+116, tờ bản đồ số 10 đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P, địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có sơ đồ kèm theo).

2.2. Chia cho anh Dương Văn P diện tích đất 4.176m² (trong đó có 240m² đất ở và 3.936m² đất vườn) có giá trị là **1.452.000.000 đồng** (hình A-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-C-B) nằm trong tổng diện tích 6.176m² đất tại thửa đất số 101+116, tờ bản đồ số 10 đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/10/2000 có số phát hành S118212, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số 01380 mang tên hộ ông Dương Văn P, địa chỉ thửa đất ở thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang đồng và các tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà cấp 4, loại I có diện tích 79,38m² có giá trị là 85.000.000 đồng; 01 sân lát gạch lá nem có diện tích 99,66m² có giá trị là 4.200.000 đồng; 01 công trình phụ (bếp) lợp proximang có diện tích 38,3m² có giá trị là 15.000.000 đồng và Khu vệ sinh (1 gian nhà tắm, 1 gian vệ sinh) có diện tích 17,95m² giá trị là 5.400.000 đồng (có sơ đồ kèm theo).

2.3. Anh Dương Văn P có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị M số tiền chênh lệch của tài sản chung là 250.000.000 đồng.

3. *Về chi phí tố tụng*: Chị Bùi Thị M phải chịu **8.252.000 đồng** chi phí tố tụng. Xác nhận chị Bùi Thị M đã nộp đủ.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị M phải chịu 40.788.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 8.300.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008100 ngày 04/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Chị Bùi Thị M còn phải nộp tiếp số tiền án phí sơ thẩm là 32.488.000 đồng.

Anh Dương Văn P phải chịu 51.348.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

6. *Hướng dẫn thi hành án*: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. *Về quyền kháng cáo*: **Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Ngọc Oanh